

Bản án số: 17/2024/DS-PT

Ngày: 29 - 3 - 2024

V/v "Tranh chấp Hợp đồng bảo  
hiểm"

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy Quỳnh.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hải Minh,

Bà Trần Thị Thúy Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đậu Thị Bích Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm" do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 của TAND thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 27/2024/QĐXX-PT, ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Có mặt ngày 26/3/2024, vắng mặt ngày 29/3/2024.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H:** Ông Phan Văn H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**- Bị đơn:** Tổng Công ty cổ phần B (sau đây viết tắt là PJICO); địa chỉ: Tầng B tòa nhà M - B T, quận Đ, Hà Nội.

**Người đại diện theo ủy quyền:**

1. Ông Hoàng Văn H2, sinh năm 1975; chức vụ: Phó Giám đốc Công ty B. Địa chỉ: Số A N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Hoàng H3 và bà Nguyễn Thị Thùy D. Cùng công tác tại Văn phòng L2 và Cộng sự. Địa chỉ: Lô S, Tầng B Tòa nhà DV02 Rose Town, số G, đường N, H, H, Hà Nội. Có mặt ngày 26/3/2024, vắng mặt ngày 29/3/2024.

3. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975; chức vụ: Phó phòng tổng hợp Tổng Công ty cổ phần B; địa chỉ: Tầng B tòa nhà M - B T, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt.

4. Ông Bùi Phi L. Đơn vị công tác: Tổng Công ty cổ phần B (PJICO). Địa chỉ: Tầng B Tòa nhà M, B T, Đ, Hà Nội. Vắng mặt.

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Có mặt ngày 26/3/2024. Vắng mặt ngày 29/3/2024.

2. Tổng Công ty B1. Địa chỉ: Số C H, phường T, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Luyện Minh Đ – Chuyên viên chính Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ Tổng công ty B1. Vắng mặt không có lý do.

3. Tổng C. Địa chỉ: Số B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt không có lý do.

4. Tổng Công ty B2. Địa chỉ: Tầng B, tòa nhà P, Lô V Y, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh Đ1; chức vụ: Tổng giám đốc Tổng công ty B2. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hương G; chức vụ: Tổng giám đốc Tổng CTCP Bảo hiểm B. Vắng mặt không có lý do.

Người kháng cáo: Bị đơn: Tổng Công CTCP Bảo hiểm B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2022, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh thống n trình bày:*

Ngày 10 tháng 4 tháng 2019, tàu cá NA-90042-TS do ông Nguyễn Văn H làm chủ tàu đã ký hợp đồng bảo hiểm với Công ty B (viết tắt là Công ty B), theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-19/NAN/NVU/2600/0169 và giấy sửa đổi, bổ sung số E-19/NAN/NVU/2600/0169-01 với giá trị bảo hiểm như sau: thân tàu: 1.800.000.000 đồng (trong đó: vỏ: 900.000.000 đồng; máy móc: 600.000.000 đồng; trang thiết bị hàng hóa: 300.000.000 đồng), tai nạn thuyền viên là 70.000.000 đồng/người/vụ. Hiệu lực bảo hiểm từ 7 giờ 00 phút ngày 10 tháng 4 năm 2019 đến 7 giờ 00 phút ngày 10 tháng 4 năm 2020. Vào khoảng 20 giờ 10 phút ngày 24 tháng 3 năm 2020, khi tàu đang ở tọa độ 19<sup>00</sup>5'

vĩ độ Bắc; 106<sup>0</sup>12' kinh độ Đ2 thì xảy ra sự cố cháy chìm tàu. Nguyên nhân vụ cháy được xác định “không có tác động của con người”. Theo Báo cáo giám định thì tổn thất đối với tàu NA-90042-TS là tổn thất toàn bộ. Vụ việc xảy ra không có thiệt hại về người.

Căn cứ vào Báo cáo giám định số 20/03/0456TH/HA ngày 25/01/2021 của Công ty TNHH G1, Công ty B có Công văn số 87/2021/PJICO.NA-CV ngày 24 tháng 11 năm 2021 từ chối bồi thường cho sự cố cháy tàu của ông H với lý do tàu của ông H đang khai thác tại vùng lộng là nằm ngoài vùng hoạt động khai thác cho phép theo Giấy phép khai thác thủy sản, vi phạm Điều 43 của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP về việc Quản lý hoạt động của tàu cá trên các vùng biển Việt Nam.

Ông H không đồng ý với việc từ chối bồi thường cho sự cố cháy tàu của Tổng Công ty P1, vì:

Thứ nhất, ông H mua bảo hiểm của Công ty B thông qua nhân viên Văn phòng của PJICO tại thị xã H. Khi mua bảo hiểm ông H chỉ được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-19/NAN/NVU/2600/0169 ngày 10/4/2019. Trong giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản mà ông H nhận được ghi phạm vi hoạt động là vùng biển và các vùng nước liên quan đến biển Việt Nam. Về quy tắc bảo hiểm thì ghi được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 6081/BTC-QLBH ngày 25/5/2018 của Bộ T2. Do quy tắc bảo hiểm này chưa có hiệu lực nên PJICO có giấy sửa đổi, bổ sung quy tắc bảo hiểm được áp dụng là 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T2, nhưng ông H không được nhận giấy sửa đổi, bổ sung cũng không hề được nhận các quy tắc bảo hiểm này. Quá trình mua bảo hiểm cũng không có hợp đồng cụ thể, không được nhân viên bảo hiểm giải thích, hướng dẫn gì về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm khi tham gia bảo hiểm, không được cung cấp thông tin, không được biết điều khoản loại trừ bảo hiểm. Trong giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản ông H được nhận không có nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và khi ông H mua bảo hiểm không được giải thích cụ thể về điều khoản loại trừ bảo hiểm. Việc không giao quy tắc bảo hiểm và nhân viên văn phòng của PJICO tại thị xã H đều công nhận việc này.

Trong khi đó khoản 1 Điều 19 của Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: *"Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm"*.

Căn cứ vào Báo cáo giám định số 20/03/0456TH/HA ngày 25/01/2021 của Công ty TNHH G1, Công ty B có Công văn số 87/2021/PJICO.NA-CV

ngày 24/11/2021 từ chối bồi thường cho sự cố cháy tàu của ông H với lý do tàu của ông H đang khai thác tại vùng L1 là nằm ngoài vùng hoạt động khai thác cho phép theo Giấy phép khai thác thủy sản, vi phạm Điều 43 của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP về việc Quản lý hoạt động của tàu cá trên các vùng biển Việt Nam.

Căn cứ điểm b, mục 1, Điều 15 – Loại trừ bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ (theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015): tàu hoạt động ngoài phạm vi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam” thì sự cố cháy chìm tàu NA-90042-TS xảy ra ngày 24/3/2020, khi tàu đang ở tọa độ 19<sup>0</sup>05’ vĩ độ Bắc; 106<sup>0</sup>12’ kinh độ Đông, không thuộc trách nhiệm bồi thường của PJICO.

Thực tế tàu của ông H chưa thực hiện việc khai thác hải sản (mới chỉ ở giai đoạn khởi động máy, text thử máy và ngư lưới cụ) nhưng nếu tàu của ông H có đang thực hiện việc khai thác đi chằng nữa nhưng do Công ty B không thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm với ông H dẫn đến việc ông H không nắm bắt được quy định về “loại trừ bảo hiểm” theo quy định tại điểm b, mục 1, điều 15 – Loại trừ bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ. Do đó, không có cơ sở để áp dụng quy định về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với ông H nên Công ty B phải có nghĩa vụ bồi thường khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Thứ hai, theo giấy phép khai thác tàu của ông H được khai thác ở Vùng khơi. Theo quy định của Luật Thủy sản, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thủy sản thì *“Tuyến bờ là đường gấp khúc được tạo bởi các đoạn thẳng nối liền từ điểm 01 đến điểm 18. Tọa độ các điểm từ điểm 01 đến điểm 18 được xác định bởi kinh độ và vĩ độ quy định tại Phụ lục IV-A ban hành kèm theo Nghị định này.*

*Tuyến lộng là đường gấp khúc được tạo bởi các đoạn thẳng nối liền từ điểm 01’ đến điểm 18’. Tọa độ các điểm từ điểm 01’ đến điểm 18’ được xác định bởi kinh độ và vĩ độ quy định tại Phụ lục IV-A ban hành kèm theo Nghị định này”.*

Theo quy định tại Điều 42 của Nghị định 26/2019/NĐ-CP hướng dẫn khoản 1 Điều 48 của Luật Thủy sản thì *“Vùng lộng được giới hạn bởi tuyến bờ và tuyến lộng;*

*Vùng khơi được giới hạn bởi tuyến lộng và ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế của vùng biển Việt Nam”.*

Theo xác nhận của UBND xã Q thì ông H là ngư dân đánh bắt giỏi và chưa từng vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, từ trước đến nay ông H cũng như các

ngư dân tại địa phương chưa được chính quyền địa phương hay Đ3, giải thích cụ thể về các quy định của Luật Thủy sản cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản, quy định về vùng đánh bắt cũng như chưa từng bị xử phạt hành chính khi đánh bắt thủy sản không đúng vùng khai thác.

Sau khi sự cố cháy tàu xảy ra, ông H đã trình báo UBND xã Q, Đồn Biên phòng Q1 và các cơ quan ban ngành về sự cố chìm tàu, đến nay cũng không hề ghi nhận việc lập biên bản vi phạm hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính về lỗi khai thác không đúng vùng đánh bắt thủy sản.

Như vậy, nếu có chăng ông H có đánh bắt tại vùng L là vi phạm pháp luật nhưng sự vi phạm pháp luật này là vô ý, xuất phát từ việc Công ty B không giải thích đầy đủ các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, không cung cấp đầy đủ thông tin cho bên mua bảo hiểm như đã phân tích trên, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm thì *"3 Không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong các trường hợp sau đây: a) Bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý"*.

Như vậy, với nhận định trên thì PJICO đã vi phạm các quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm quy định về các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng, đây là lỗi do phía Công ty PJICO chứ không phải của bên mua bảo hiểm, vì vậy khi xảy ra sự kiện bảo hiểm ông H là người được bảo hiểm yêu cầu bồi thường là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai giải quyết buộc Tổng công ty P1 chi trả tiền bảo hiểm tàu cá NA-90042-TS do ông Nguyễn Văn H làm chủ với số tiền bảo hiểm là 1.800.000.000 đồng theo giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-19/NAN/NVU/2600/0169 và giấy sửa đổi, bổ sung số E-19/NAN/NVU/2600/0169-01.

*Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn thống nhất trình bày:*

Sau khi nghiên cứu Đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn xuất trình cũng như các tài liệu, chứng cứ PJICO thu thập, PJICO nhận thấy không có cơ sở để Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc PJICO phải bồi thường cho Nguyên đơn số tiền 1.800.000.000 đồng với các lý do như sau:

Thứ nhất: Tại thời điểm xảy ra sự cố cháy, Tàu cá NA-90042-TS đang đánh bắt thủy sản tại vùng biển ngoài phạm vi cho phép, vi phạm quy định về phạm vi hoạt động của tàu cá, và do đó đã đánh mất quyền được hưởng bồi

thường bảo hiểm theo các điều khoản, điều kiện theo quy tắc bảo hiểm.

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 2220/ĐKTC do Cơ quan đăng kiểm tàu cá Nghệ An cấp ngày 29/12/2019 có hiệu lực đến hết ngày 29/12/2020 ấn định vùng được phép hoạt động đánh bắt thủy sản của tàu cá NA-90042-TS là “*Vùng khơi biển Việt Nam*”. Cùng với đó, Giấy phép khai thác hải sản số 0557/2020/NA-GPKTTS do Chi cục thủy sản N1 cấp ngày 14 tháng 02 năm 2020 có hiệu lực đến ngày 01 tháng 5 năm 2020 cũng ấn định về phạm vi phân vùng khai thác thủy sản là “*Vùng khơi biển Việt Nam*”. Như vậy, hai loại giấy tờ pháp lý cơ bản mà mỗi tàu cá khi thực hiện khai thác thủy sản bắt buộc phải có và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp ấn định vùng khai thác thủy sản của của tàu cá NA-90042-TS đều là “*Vùng khơi biển Việt Nam*”.

- Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 43, chương IV – Khai thác thủy sản; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của tàu cá trên các vùng biển Việt Nam thì tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên chỉ được phép hoạt động tại vùng khơi, không được hoạt động tại vùng ven bờ và vùng lộng. Theo tinh thần của điều luật này, đây là một nghĩa vụ của tàu cá khi thực hiện đánh bắt thủy sản mà theo đó chủ tàu, thuyền viên buộc phải tuân thủ. Theo thông số kỹ thuật được ghi trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 2220/ĐKTC, tàu cá NA-90042-TS có chiều dài 25,35 mét. Đối chiếu với quy định tại khoản 1, Điều 43 của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP vùng hoạt động bắt buộc của tàu cá NA-90042-TS là vùng khơi biển Việt Nam.

- Căn cứ vào khai báo của các thuyền viên và kết quả làm việc với các bên liên quan, Giám định viên Công ty TNHH G1 kết luận “*tàu NA-90042-TS bị cháy tại tọa độ 19<sup>0</sup>05’ vĩ độ Bắc; 160<sup>0</sup>12’ kinh độ Đ, thuộc V lộng, cách bờ biển Nghệ An khoảng 26 Hải Lý*”.

- Điều 15 của Quy tắc Bảo hiểm thân tàu quy định về các trường hợp loại trừ bảo hiểm. Trong đó, điểm b, mục 1 quy định rõ trường hợp tàu hoạt động ngoài phạm vi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam là một trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm.

Chủ tàu đã tiến hành khai thác thủy sản tại vùng lộng trong khi tàu cá của mình được cấp phép khai thác tại vùng khơi là vi phạm các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước về khai thác thủy sản. Chính vì vậy, sự kiện tàu cá NA-90042-TS bị cháy và chìm ngày 24/03/2020 khi đang tiến hành khai thác thủy sản tại vị trí có tọa độ 19<sup>0</sup>05’ vĩ độ Bắc; 106<sup>0</sup>12 kinh độ Đông thuộc điểm loại trừ đối với bảo hiểm thân tàu cá theo quy định tại điểm b, mục 1 điều 15 Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T2.

Thứ hai: Vụ kiện không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai do các bên có thỏa thuận tòa án giải quyết tranh chấp là tòa án có thẩm quyền nơi đặt bị đơn đặt trụ sở.

- Tại mục III mặt sau Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-19/NAN/NVU/2600/0169 các bên thỏa thuận mọi tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi bị đơn đặt trụ sở để giải quyết. Như vậy, thẩm quyền giải quyết vụ kiện thuộc tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội do: i) Tổng Công ty Cổ phần P1 là bị đơn trong vụ kiện; ii) Địa chỉ đăng ký kinh doanh của PJICO là tầng 21-22, tòa nhà M, B T, quận Đ, Hà Nội.

Thứ ba: Từ các căn cứ, lập luận trên đây PJICO khẳng định:

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 2220/ĐKTC do Cơ quan đăng kiểm tàu cá Nghệ An cấp ngày 29/12/2019 có hiệu lực đến hết ngày 29/12/2020 và Giấy phép khai thác hải sản số 0557/2020/NA-GPKTTS do Chi cục thủy sản N1 cấp ngày 14/02/2020 có hiệu lực đến ngày 01/05/2020 của Tàu cá NA-90042-TS là vùng khơi biển Việt Nam.

- Tại thời điểm xảy ra sự kiện cháy ngày 23/04/2020, tàu cá NA-90042-TS đang tiến hành khai thác thủy sản tại vị trí có tọa độ 19<sup>00</sup>5' vĩ độ Bắc; 106<sup>0</sup>12' kinh độ Đông thuộc vùng lộng biển Việt Nam.

- Vụ kiện không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai do các bên có thỏa thuận Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án có thẩm quyền nơi đặt bị đơn đặt trụ sở.

Do đó, PJICO đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai tiến hành xem xét chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết. Trong trường hợp tiếp tục thụ lý, kính đề nghị Tòa án xem xét và quyết định bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty B1 trình bày:*

Đối chiếu với các quy định của pháp luật và quy định của Hợp đồng bảo hiểm, Tổng CTCP Bảo hiểm P đứng đầu chủ động thực hiện toàn bộ công tác giám định, giải quyết bồi thường, trả tiền bồi thường, giải quyết khiếu kiện. Tổng Công ty B1 tuân thủ mọi quyết định của Tổng CTCP Bảo hiểm B trong quá trình thực hiện bảo hiểm như: Công tác giám định, giải quyết bồi thường và đòi người thứ ba, giải quyết khiếu kiện cùng tất cả các vấn đề khác có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này (Trừ trường hợp việc giải quyết của Tổng CTCP Bảo hiểm B trái với quy định của pháp luật).

Như vậy, chi phí thuộc trách nhiệm của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm sẽ được doanh nghiệp B3 đứng đầu hạch toán chi phí hộ theo quy định của

Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ T2. Đồng thời theo đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2022, ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Tổng CTCP Bảo hiểm B thanh toán số tiền bảo hiểm 1.800.000.000 đồng. Tổng CTCP Bảo hiểm B là doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu chủ động thực hiện toàn bộ công tác giám định, giải quyết bồi thường, trả tiền bồi thường, giải quyết khiếu kiện, đúng quy định của Thông tư 116/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ T2 hướng dẫn Nghị định 67/NĐ-CP và Hợp đồng nguyên tắc đồng bảo hiểm khai thác hải sản số 01/2014/ĐBH đã ký giữa BHBV, PJICO, PVI và Bảo M.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 của TAND thị xã Hoàng Mai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 40, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385, 398, 401, 429 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc Tổng Công ty cổ phần B (PJICO) phải bồi thường ông Nguyễn Văn H, là chủ tàu cá NA-90042-TS số tiền 1.800.000.000 đồng.

Bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, thỏa thuận thi hành án; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, Bị đơn Tổng công ty cổ phần B (PJICO) có đơn kháng cáo với nội dung: hủy Bản án dân sự sơ thẩm do Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền; nếu tiếp tục xét xử phúc thẩm đề nghị bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện của bị đơn xin rút nội dung kháng cáo về việc đề nghị xem xét thẩm quyền giải quyết vụ kiện là Tòa án nơi bị đơn đặt trụ sở. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã thực hiện cơ bản đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.



- Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Đối với các đương sự: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn Tổng Công ty P1 kháng cáo đúng thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án là đúng quy định.

Về nội dung kháng cáo: Đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo về xem xét thẩm quyền xét xử vụ án theo thỏa thuận đã được thể hiện trong hợp đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung vì các nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ nội dung ông H có phải là đối tượng phải tham gia đợt tập huấn, tuyên truyền hay không, nếu là đối tượng phải tham gia thì ông H đã được thông báo để tham gia hay không, quy trình, thủ tục tổ chức tuyên truyền, tập huấn như thế nào; Tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai đầy đủ của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm mà chỉ căn cứ vào lời khai của đương sự để không triệu tập các doanh nghiệp đồng bảo hiểm tham gia tố tụng để làm rõ các bên có yêu cầu như thế nào về việc giải quyết vụ án là không phù hợp với quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo:

Bị đơn, Tổng Công ty CP B4 (PJICO) có đơn kháng cáo đúng hạn, có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án là đúng quy định.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tổng Công ty B1, Tổng Công ty cổ phần B5, Tổng Công ty B2, ông Bùi Phi L (là Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn) đều đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử đầy đủ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn, Người Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có mặt. Các đương sự có mặt và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Sự vắng mặt của Tổng Công ty B1,

Tổng Công ty cổ phần B5, Tổng Công ty B2 đã được đảm bảo bằng sự có mặt của Đại diện Tổng Công ty P1 và sự vắng mặt của ông Bùi Phi L, đã được đảm bảo bằng sự có mặt của các Đại diện khác theo ủy quyền của Bị đơn. Do đó, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc là đúng quy định pháp luật.

## 2. Về nội dung kháng cáo:

2.1. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện của bị đơn xin rút nội dung kháng cáo về việc đề nghị xem xét thẩm quyền giải quyết vụ kiện là Tòa án nơi bị đơn đặt trụ sở. Xét thấy việc rút nội dung kháng cáo này là tự nguyện, trong phạm vi đại diện được ủy quyền và có căn cứ nên chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về xem xét thẩm quyền xét xử vụ án theo thỏa thuận đã được thể hiện trong hợp đồng.

2.2. Xét nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng do tàu NA-90042TS khai thác thủy sản tại vùng lộng là vi phạm quy định của cơ quan có thẩm quyền và thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T2. Xét nội dung trình bày trên của bị đơn thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 16, 19 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2013 thì *"điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng"; "khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp B3 có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm; bên mua bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm"*.

Theo “Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản” số P-19/NAN/NVU/2600/0169 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Công ty B cấp cho ông Nguyễn Văn H thì phạm vi hoạt động của tàu NA-90042-TS là vùng biển và các vùng nước liên quan đến biển Việt Nam. Quy tắc bảo hiểm được chấp thuận theo Công văn số 6081/BTC-QLBH ngày 25/5/2018 của Bộ T2 nhưng bị đơn viện dẫn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày

16/12/2015 của Bộ T2) để loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là không chính xác. Tại Giấy sửa đổi, bổ sung ngày 12/06/2018 thể hiện Quy tắc bảo hiểm được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 6081/BTC-QLBH ngày 25/5/2018 của Bộ T2 được sửa đổi thành Quy tắc bảo hiểm được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2018 của Bộ T2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng Giấy sửa đổi, bổ sung nêu trên đã được giao cho ông Nguyễn Văn H nhưng ông H không thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã được giao cho ông H nên không có cơ sở chấp nhận lời khai nêu trên của bị đơn. Như vậy, không có tài liệu chứng cứ thể hiện ông H đã được thông báo hay giao nhận hợp lệ Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T2), “Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản” (là văn bản mà nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có giá trị là hợp đồng bảo hiểm) không có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện Tổng Công ty P1 đã giải thích rõ cho ông H các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm khi giao kết hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn cho rằng nguyên đơn đã được tập huấn về các quy tắc bảo hiểm trong đó có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nhưng bị đơn thừa nhận việc giải thích các quy tắc bảo hiểm là bằng hình thức tập huấn hoặc tuyên truyền, bị đơn cũng không xác định được nguyên đơn có tham gia tập huấn hoặc đã được tuyên truyền về quy tắc bảo hiểm hay không và cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H khai rõ chưa khi nào được UBND xã Q hay Công ty Bảo hiểm mời đi tập huấn, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về bảo hiểm tàu cá, các nguyên tắc loại trừ bảo hiểm. Khi ký kết Hợp đồng bảo hiểm, ông là người đi nộp tiền cho nhân viên bảo hiểm tại UBND xã Q sau đó ông đi biển, vợ ông là bà Lê Thị T1 là người ở nhà nhận Giấy tờ do nhân viên bảo hiểm đưa đến chứ không được ai tư vấn trực tiếp về việc mua bảo hiểm, các trường hợp loại trừ bảo hiểm. Bà T1 cũng thừa nhận rằng, bà là người được nhân viên bảo hiểm đưa Giấy chứng nhận bảo hiểm tại nhà. Khi xảy ra sự việc, ông Nguyễn Văn H mới biết việc mình làm thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm. Bản thân Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn khai tại phiên tòa rằng chỉ giải thích các điều khoản của hợp đồng nếu người mua yêu cầu, đồng thời cũng cho rằng, ông Nguyễn Văn H là người tham gia bảo hiểm lâu năm thì ông Nguyễn Văn H phải biết các trường hợp loại trừ bảo hiểm. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng trong “Giấy yêu cầu bảo hiểm tàu cá” có nội dung “Sau khi được cung cấp

các quy tắc bảo hiểm, biểu phí cũng như được tư vấn đầy đủ về sản phẩm bảo hiểm liên quan...”, Giấy chứng nhận bảo hiểm này do ông H viết năm 2019 có chữ ký của ông H, có nghĩa rằng ông Nguyễn Văn H đã được nhận các quy tắc bảo hiểm, biểu phí, và đã được giải thích đầy đủ các trường hợp loại trừ bảo hiểm, việc giải thích các quy tắc bảo hiểm bằng hình thức trực tiếp. Ông H không thừa nhận chữ ký của mình tại “Giấy yêu cầu bảo hiểm” này nhưng các đương sự đều không yêu cầu giám định chữ ký. Tại Giấy yêu cầu bảo hiểm này. Thấy rằng, trong “Giấy yêu cầu bảo hiểm này” không thể hiện bất kỳ nội dung nào thuộc về các quy định về bảo hiểm mà đơn thuần là các thông tin về người yêu cầu bảo hiểm; tình trạng, đặc điểm của đối tượng (tàu cá) được bảo hiểm. Do đó, có căn cứ để khẳng định khi ký kết hợp đồng bảo hiểm, bên Công ty B đã không giải thích cho ông Nguyễn Văn H các trường hợp loại trừ bảo hiểm. Bên cạnh đó, Luật Kinh doanh bảo hiểm không có nội dung nào quy định người tham gia bảo hiểm nhiều năm, mỗi khi ký kết hợp đồng bảo hiểm thì phải tự biết các nội dung của hợp đồng, trong đó có các trường hợp loại trừ bảo hiểm.

Do đó, không có căn cứ để xác định nguyên đơn đã được giải thích các quy tắc bảo hiểm trong đó có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Ngoài ra, theo Giấy phép khai thác thủy sản số 0231/16/KTTS thì tàu NA-90042-TS được phép khai thác thủy sản tại vùng khơi nhưng ông Nguyễn Văn H điều khiển tàu khai thác thủy sản ở vùng lộng là vi phạm vùng được phép khai thác thủy sản quy định tại Giấy phép khai thác thủy sản nêu trên nên cần xác định ông H cũng có một phần lỗi đối với thiệt hại xảy ra. Ông H cũng thừa nhận tàu của ông chỉ được phép đánh bắt cá tại vùng khơi chứ không được đánh bắt tại vùng lộng, nhưng do khi ký kết hợp đồng bảo hiểm ông không được giải thích rõ các trường hợp loại trừ bảo hiểm nên ông không biết được việc đánh bắt cá tại vùng lộng là thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm. Do đó, lỗi này của nguyên đơn thuộc về vi phạm hành chính chứ không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm như ý kiến của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc PJICO bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra cho nguyên đơn là có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An cho rằng: theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự thì *“trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”*.

Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-18/NAN/NVU/2600/0169 ngày 10 tháng 4 năm 2019 thể hiện các doanh nghiệp đồng bảo hiểm bao gồm DNBH đứng đầu PJICO tỷ lệ 55%, DNBH đồng BH 1 Bảo Việt tỷ lệ 15%, DNBH đồng BH Bảo Minh tỷ lệ 15%, DNBH đồng BH 3 PVI tỷ lệ 15%. Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có ý kiến của Tổng Công ty B1 về việc giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai đầy đủ của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm là Công ty C, Công ty B6 nêu trên mà chỉ căn cứ vào lời khai của đương sự để không triệu tập các doanh nghiệp đồng bảo hiểm tham gia tố tụng để làm rõ các bên có yêu cầu như thế nào về việc giải quyết vụ án là không phù hợp với quy định pháp luật. Thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tổng Công ty B đã cung cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-18/NAN/NVU/2600/0169 ngày 10 tháng 4 năm 2019 thể hiện các doanh nghiệp đồng bảo hiểm bao gồm DNBH đứng đầu PJICO tỷ lệ 55%, DNBH đồng BH 1 Bảo Việt tỷ lệ 15%, DNBH đồng BH Bảo Minh tỷ lệ 15%, DNBH đồng BH 3 PVI tỷ lệ 15% cho Tòa án, ý kiến của Tổng Công ty B1 về việc giải quyết vụ án phù hợp với ý chí của Tổng Công ty P1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các đồng bảo hiểm này tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Công ty B7 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; Tổng Công ty B2 có ủy quyền cho Tổng Công ty CP B4 thay mặt mình tham gia tố tụng tại tòa án, tham gia phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có); Tại Hợp đồng nguyên tắc, đồng bảo hiểm khai thác hải sản được ký kết giữa Tổng Công ty P1 và các đồng bảo hiểm có nội dung giao trách nhiệm cho doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu. Mặt khác, sau khi Bản án sơ thẩm được tuyên, các đồng bảo hiểm đã nhận được bản án sơ thẩm và không có kháng cáo; bản án sơ thẩm cũng không bị kháng nghị; Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, các đồng bảo hiểm này đã nhận được các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án để xét xử theo phúc thẩm, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm hợp lệ; tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện PJICO cũng không đề nghị hoãn phiên tòa. Nếu sau này, quá trình thi hành bản án, giữa các đồng bảo hiểm xảy ra tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu họ có yêu cầu.

Từ những phân tích trên, thấy rằng không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn về việc sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, Tổng Công ty cổ phần B (PJICO). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ nội dung kháng cáo của bị đơn về việc xem xét thẩm quyền xét xử vụ án theo thỏa thuận của các đương sự được ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

3. Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 40, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 429 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19, Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm; Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc Tổng Công ty cổ phần B (PJICO) phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H, là chủ tàu cá NA-90042-TS số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Tổng Công ty cổ phần B (PJICO) phải chịu 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Tổng Công ty cổ phần B (PJICO) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng Công ty cổ phần B (PJICO) đã nộp đủ theo Biên lai số 0002737 ngày 26/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003653 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay ./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tx Hoàng Mai;
- VKSND t. Nghệ An;
- Chi cục THADS tx Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỌ  
THÂM**